

TRAO ĐỔI

TRẢ LỜI BÀI VIẾT CỦA ÔNG NGUYỄN QUẢNG TUÂN “VỀ VIỆC SO SÁNH CÁC BẢN KIỀU CỔ CỦA BA VÙNG NAM, BẮC VÀ HUẾ”

Nguyễn Thế, Phan Anh Dũng*

1. Trong vấn đề *dị bản* Truyện Kiều, trước kia giới biên khảo thường làm hai chuyện rất đơn giản:

- Chọn một dị bản mình tự cho là hay, đúng, để đưa vào văn bản chính;
- Còn các dị bản khác thì đưa toàn bộ hay đưa một số vào chú thích.

Và coi như thế là đã giải quyết xong mọi sự!

Chỉ mấy năm gần đây mới có khuynh hướng nghiên cứu sâu hơn. Chẳng hạn, TS Đào Thái Tôn đã thống kê cách viết từ đầu đến cuối của từng dị bản, coi sự nhất quán trong cách viết như là một tiêu chí ổn định để định đoạt những trường hợp nghi vấn như là GIEO hay TREO; GS Nguyễn Tài Cẩn lại căn cứ tần suất xuất hiện để phân loại các dị bản thành 3 loại (Qua việc khảo sát hơn 1.960 câu có từ ngữ khác nhau giữa 9 bản Kiều cổ được sao chép hoặc khắc in vào thế kỷ 19:

- Loại dị bản phổ biến, với những từ ngữ có mặt ở 5 bản trở lên (trên tổng số 9 bản): loại này, nhìn chung, nên dùng khi phục nguyên vì dễ được nhiều người đồng tình;

- Loại dị bản với những từ ngữ có mặt chỉ ở 2 bản, loại này cho thấy bản nào thường hay đi cặp đôi với bản nào? Số lượng trường hợp cặp đôi nhiều hay ít cũng có thể cho thấy phần nào quan hệ xa gần giữa các miền;

- Và loại dị bản độc hữu với những từ ngữ chỉ có mặt ở một bản, loại này lại có thể cho thấy những điểm độc đáo của mỗi bản.

Tiếp thu khuynh hướng cố gắng đi sâu đó, trong bài “Tiếp tục so sánh các bản Kiều cổ của ba vùng Nam, Bắc và Huế” đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* (số 3 (62). 2007) chúng tôi cũng đã căn cứ các trường hợp chỉ có 2 dị bản là trường hợp chiếm đa số để đề xuất thêm một số hướng nghiên cứu mới:

- Nghiên cứu 6 khả năng thay đổi dị bản có thể xảy ra khi đi từ bản Kiều cổ vùng này sang bản Kiều cổ vùng khác trong thế kỷ 19:

- Nghiên cứu khả năng có thể quy thành 2 đợt thay đổi chính khi so sánh dị bản có mặt ở 3 miền v.v...

* Thành phố Huế.

2. Bài của chúng tôi in ra đã được ông Nguyễn Quảng Tuân quan tâm và viết bài phê bình trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* (số 1 (66). 2008, tr. 106-111). Chúng tôi xin cảm ơn sự quan tâm của ông, nhưng chúng tôi cũng xin phép được có vài lời nhận xét về sự phê bình mà ông đã đưa ra.

Nhận xét thành thật của chúng tôi là: ông ít lưu ý đến vấn đề chính của chúng tôi nêu ra để tranh luận mà thường hay lái sang vấn đề khác để tìm những chi tiết bắt bẻ chúng tôi. Chẳng hạn ở mục 3 trong bài, ý của chúng tôi là: *nên tập trung sự chú ý vào trường hợp có 2 dị bản vì đó là trường hợp chiếm đa số*, trường hợp có 3, 4, 5 dị bản tuy có nhưng ít gặp hơn. Nhưng ông bắt đầu ngay bằng việc chọn một câu dẫn chúng về trường hợp có 4 dị bản để phê phán 2 điểm:

a. Chúng tôi đưa ra câu 2638:

Thì đà đắm ngọc chìm hương ... rồi

để dẫn chúng rằng ở vị trí chữ thứ 7 có 4 dị bản khác nhau giữa các bản là: MẮT, QUÁ, CHO và ĐÀ. Nhưng ông lại lái sang vấn đề xét dị bản cả câu, xem trong câu ấy có bao nhiêu chỗ có dị bản khác nhau và bắt đầu bằng việc chỉ trích chúng tôi đã đọc sai 2 dị bản NÀNG thành THÌ, và TRẦM thành ĐĂM!

Chúng tôi đang quan tâm đến vị trí *chữ thứ 7* là nơi có 4 dị bản nên 6 chữ trước đó chúng tôi chỉ ghi để có đủ cả câu, thế thôi. Mà 6 chữ ấy chúng tôi cũng đã theo đa số các bản đã in ra: THÌ theo 8 trên 9 bản, ĐĂM theo 9 trên cả 9 bản (ông Tuân trước cũng đọc ĐĂM!). Cách đọc cả 6 chữ ấy, trong bản Kiều khảo đính chú giải năm 1997 ông Tuân cũng đọc hoàn toàn như chúng tôi. Nhưng nay ông lại dựa vào chỉ một bản -bản LNP- để phê chúng tôi không đọc NÀNG, TRẦM! Chúng tôi đoán rằng chắc chỉ vì ông muốn bắt bẻ chúng tôi nên ông mới làm những việc phi lý như thế: dựa vào 1 chữ NÀNG 娘 mà LNP⁽¹⁾ đã sửa do ký húy để phê chữ THÌ 時⁽²⁾ nguyên tác ở 8 bản; dựa vào một cách đọc TRẦM đọc hữu ông mới phát hiện gần đây để phê chữ ĐĂM phổ biến ở 9 bản!

b. Điểm thứ hai ông phê phán là chúng tôi đã đọc sai dị bản QUA 過 của KOM thành QUÁ và đọc sai dị bản TIỀM 潛 của LVĐ thành CHÌM. Đoạn phê này của ông cũng làm chúng tôi tiếp tục ngạc nhiên như trên:

- Chúng tôi đọc QUÁ là theo đa số: Thế Anh⁽³⁾ đã đọc như vậy, Vũ Văn Kính trong 2 cuốn in năm 1993, 1998⁽⁴⁾ đều đọc như vậy, Thạch Giang⁽⁵⁾ cũng đọc như vậy và chính ông Tuân năm 1997⁽⁶⁾ cũng đọc như vậy (ở trang 387). Nếu gần đây ông mới đổi QUÁ thành QUA thì sao ông không viết rõ điều đó, mà chỉ đọc phê chúng tôi?

- Ông có ghi nhận GS Nguyễn Tài Cẩn có chú thích về cách đọc QUA trong KOM (chú thích 822). Và chắc ông cũng đã biết trong cuốn in năm 2004 GS Nguyễn Tài Cẩn cũng đã có nêu cách đọc TIỀM trong LVĐ và QVĐ. Nhưng khi viết chung với 2 đồng tác giả nữa, GS đã cùng chúng tôi chủ trương:

- Ở đây đang quan tâm mặt số lượng: cho ví dụ về số lượng dị bản là 4;

- Đã thế thì về cách đọc của 4 dị bản ấy cũng như về cách đọc các dị bản khác vẫn cứ nên ghi theo đa số: chẳng hạn ở chữ thứ 5 vẫn nên đọc CHÌM theo 7 bản.

Vậy cái kết luận của ông rằng trong chỉ một câu mà chúng tôi (kể cả GS Nguyễn Tài Cẩn là người đã biết những điều trên) sai đến 4 chỗ, thì đó là một kết luận rõ ràng có tính cách bắt bẻ chứ không có tính cách thực sự khoa học.

3. Trong đoạn tiếp theo, nhân chuyện bàn về LÊN NGỰA/XUỐNG NGỰA, ông đã dẫn thêm DẬY ĐẤT/DẬY BÀO, DA/LỪNG và phê bình chúng tôi ở 2 điểm:

- Sao lại có thể nói bản in trước chữa bản in sau?
- Và sao lại dùng từ ĐÍNH NGOA?

Về câu hỏi đầu chúng tôi sẽ xin gắng nói rõ thêm một lần nữa, ở một đoạn sau, vì chuyện chúng tôi xác định niên đại theo chữ húy, ông xác định niên đại theo năm in, năm chép, chuyện đó GS Cẩn đã từng trao đổi với ông, nhưng hai bên vẫn chưa thể nhất trí với nhau được.

Còn về chuyện dùng hai chữ ĐÍNH NGOA thì xin nói sơ qua như sau: theo Đào Duy Anh, ĐÍNH có nghĩa là “sửa lại”, NGOA có nghĩa là “lầm”, hề thấy bản trước sai lầm, bản sau chữa lại cho đúng thì GS Cẩn có thói quen nói “bản sau đã đính ngoa bản trước”. Nay ông cho rằng nói như vậy không được, vậy mong ông giảng cho lúc nào mới dùng ĐÍNH NGOA được.

4. Về trường hợp bản DMT in THỦ HOẠ, ông cho rằng bản DMT sai. Theo ông, chữ THỦ không thể hiểu là “thư pháp” được. Chữ THỦ (danh từ) chỉ có nghĩa là “sách” hoặc “chữ” thôi, nhưng GS Cẩn có ý kiến khác:

- Các từ điển lớn về văn ngôn xưa (*Từ hải*, *F. S. Couvreur*, *Quảng Hán Hòa từ điển...*) đều cho rằng nghĩa đầu tiên của chữ THỦ 書 là “viết”, nó dùng trước hết như một động từ.

- Vậy câu ở DMT với nghĩa là “Pha nghề VIẾT, VẼ đủ mùi CA, NGÂM” có gì là sai! Hơn nữa, chính ông cũng đã cho rằng hai nghệ thuật VIẾT và VẼ rất gần nhau vì người có hoa tay thì thường vẽ cũng đẹp mà viết cũng đẹp. Và ông đã dẫn 4 chữ THỦ HOẠ ĐÔNG NHẤT trong đó chữ THỦ chính là cách nói tắt của 2 chữ THỦ PHÁP đấy!

Rõ ràng DMT để THỦ đi với HOẠ là đúng.

Còn CA NGÂM thì cũng không thể hiểu là CẦM như ông được! Thông thường chúng ta đều hiểu CA là từ liên quan đến các bài hát, NGÂM liên quan đến các bài thơ còn CẦM lại liên quan đến các loại đàn. Dùng THI HOẠ ở trước thì THI có phần trùng lặp với 2 chữ CA NGÂM ở sau, nói chung, và nhất là trùng lặp với chữ NGÂM, nói riêng, vì trong tiếng Việt thường quen nói *thi ca*, *ngâm vịnh*, *ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm*, *Thu dạ lữ hoài ngâm* v.v... Dùng THỦ HOẠ thì THỦ tránh được sự trùng lặp đó mà lại còn nêu rõ thêm được cái tài VIẾT ĐẸP của nàng Kiều.

5. Về chuyện THÁNG TRÒN hay NĂM TRÒN chúng tôi có ý kiến như sau:

a. THÁNG TRÒN là một dị bản đã bị nghi ngờ, có lẽ vì mấy lý do như sau:

- Kể từ khi Kim Trọng dời sang ở cạnh nhà Kiều đã TRÒN 2 tháng (DMT), ĐẦY 2 tháng (Lâm Nọa Phu), hoặc THÊM (=gần) 2 tháng (7 bản còn

lại). Nhưng nếu kể “từ ngẫu nhi gặp nhau” ở buổi đi Thanh minh thì còn phải thêm một thời gian nữa (Vũ Đức Phúc cho là HƠN 3 THÁNG), vậy nói THÁNG TRÒN là sai! Giống Vũ Đức Phúc, Tản Đà cũng ngỡ vực như vậy!

- Con số 5 (NĂM ???) ở DMT, chữ NĂM (??? =12 tháng) ở bản A. Des Michels quá khác chữ THÁNG!

- Vì vậy Hoàng Xuân Hãn đoán là “VUÔNG TRÒN nhờ cậy khung mây”; Vũ Đức Phúc đoán là “NĂM TRÒN nhờ Cuội cung mây”.

b. Chúng tôi cũng nghi ngờ THÁNG TRÒN, vì lẽ thứ nhất trên đây. Hơn nữa chúng tôi lại thấy trong DMT viết thành NĂM TRÒN (với NĂM nghĩa là số 5 ???). Mà theo *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh, trong *Truyện Kiều* có 12 con số 5 thì DMT in đúng cả 100%! Chỉ có NĂM (??? trong NĂM THÁNG) là có khi viết sai thành con số 5 ??? , nhưng chỉ sai 4 lần (ở các câu 182, 355, 1599, 3078) trên tổng số 30 lần!

Vậy con số NĂM ??? của DMT là đáng tin cậy!

Và tra *Từ điển Phật học*, GS Cảnh thấy có 2 chữ NGŨ LUÂN 五輪 dịch thành NĂM (5) TRÒN ????? để vào văn cảnh rất hợp. Cho nên xét về mặt TƯ LIỆU TRUYỆN KIỀU, chúng tôi cho tư liệu NĂM TRÒN của DMT quý hơn tư liệu THÁNG TRÒN!

6. Đến đây chúng tôi xin trở lại hai vấn đề cần thảo luận thêm:

- Khi xét niên đại, chỉ dựa vào *Đại Nam chính biên liệt truyện* (ĐNCBLT) có được không?

- Và khi so các bản trước sau chỉ tin vào năm in, năm chép có được không?

Về vấn đề đầu, hiện nay ông Tuân và một số người vẫn dựa vào ĐNCBLT và tin rằng chỉ sau khi đi sứ về cụ Nguyễn Du mới sáng tác *Truyện Kiều*.

Nhưng giới nghiên cứu đã lần lượt công bố nhiều cứ liệu phản bác lại:

- Cụ Đào Duy Anh thấy trong ĐNCBLT ngay tên các tác phẩm của cụ Nguyễn Du cũng viết không chính xác nên cụ không tin.

- Ông Vũ Đức Phúc cho rằng ĐNCBLT chỉ nêu chuyện “hành thể” chứ không phải nêu chuyện “ra đời” của *Truyện Kiều*.

- Cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng *Truyện Kiều* phải có mặt trước *Mai Đình mộng ký* (1809) và còn nêu thêm 2 chuyện:

+ Cụ Phạm Quý Thích đã đọc và làm thơ về *Kiều* trên đường vào Huế (năm 1811);

+ Đã có lời “Nguyễn phê” thì phải trước năm 1807, vì năm đó Nguyễn Lượng chết.

- Vũ Thế Khôi đã tìm ra bài *Thính Đoạn trường tân thanh hữu cảm* của Phạm Quý Thích trong tập A-2140, Hà Thị Tuệ Thành đã kiểm tra lại bài đó trong tập A-400 (cả 2 tập đều ở Viện Hán Nôm) và xác nhận cụ Hoàng Xuân Hãn đã nói đúng.⁽⁷⁾

- Vì thấy Chiêm Vân Thị chê những lời “Vũ phê”, “Nguyễn phê”, và nghi ngờ Vũ Trinh và Nguyễn Lượng đã bị người đời sau mạo danh, nên Lê Thành Lân đã dựa vào giới phê bình văn học (chị Bằng Thanh), dựa cả vào sự đề cao của các nhà khoa bảng xưa như Đào Nguyên Phổ, Kiều Oánh Mậu để bác bỏ Chiêm Vân Thị. Lê Thành Lân còn kiểm tra lại cả sự phát hiện của Phan Thanh Sơn và Hà Thị Tuệ Thành⁽⁸⁾ về 4 chữ BÁCH CHUNG HOAN NGU 百種歡娛 trong lời phê của Nguyễn Lượng để đi đến khẳng định: đó là những lời phê rất có giá trị và viết trước lệnh kiêng húy năm 1803 đời Gia Long, phải kỵ húy chữ CHUNG 種.

- Như vậy sự phỏng đoán của Trương Chính rằng Truyện Kiều có khả năng đã được viết trong khoảng thời gian cụ Nguyễn Du về ở ẩn dưới chân núi Hồng càng ngày càng được nhiều cứ liệu củng cố thêm.

- Tiếp đó, Nguyễn Tài Cẩn, Ngô Đức Thọ, Đào Thái Tôn lại đưa cái mốc hoàn thành Truyện Kiều lên khoảng 1787-1790, dựa trên căn cứ trong các bản Kiều thế kỷ 19 còn may sót lại khá nhiều vết tích kỵ húy thời Lê Trịnh. Việc một âm KỶ (trùng tên vua Lê Chiêu Thống, và cả Thần Tông) ở vị trí thứ 6 trong câu 2230:

Gió mây bằng đã đến KỶ dậm khơi⁽⁹⁾

đã bị thay bằng RÌA (ở DMT, LVĐ), THÌ (ở QVĐ, TMĐ, VNB-60), LÌA (ở KOM, LNP); và việc một âm BÔNG 蓬 trùng tên chúa Trịnh Bông trong câu 2627:

Cửa BÔNG vôi thác (mở) rèm châu

đã bị thay bằng PHÒNG 房 ở 4 bản LVĐ, QVĐ, TMĐ, VNB-60 và thay bằng BUÔNG ở bản LNP thiết nghĩ cũng đã đủ để nói lên sự ăn khớp với lịch sử: ba năm cầm quyền của vua Lê Chiêu Thống-Trịnh Bông (1786, 1787, 1788) và những năm có không khí phù Lê tiếp sau đó. Đáng lưu ý là cái chết của cụ Nguyễn Trọng năm 1789 đưa đến cách kiêng âm TRỌNG 重→ TRƯỢNG 仗 trong gia đình, và sự kiện Nguyễn Du bắt đầu giao du trở lại với bà con bạn bè chỉ sau năm 1790, chứng tỏ năm 1790 tác phẩm đã xong.

- Nhưng hai tên KỶ, BÔNG không được né tránh trong khoảng 900 câu đầu của Truyện Kiều. Hơn nữa, trong 900 câu đó lại có hàng loạt từ ngữ và hàng loạt chữ Nôm có cách dùng, cách viết khá khác với từ ngữ và chữ Nôm trong hơn 2.000 câu còn lại. Do đó thêm một giả thuyết nữa lại được đề ra: phải chăng 900 câu đầu đó đã được viết khi vua Lê Chiêu Thống và Trịnh Bông chưa lên ngôi vua ngôi chúa? Nghĩa là chúng đã được khởi thảo ở Thăng Long trong khoảng 1783-1786, tức từ sau năm nhà thơ thi đỗ cho đến năm nhà thơ cưới vợ, chuyển về ở quê vợ tại Thái Bình. (Xin xem bài Nguyễn Tài Cẩn đã đăng ở tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 11/2005).

- Cứ liệu phản bác có càng ngày càng nhiều như trên, nhưng ông Tuân vẫn giữ quan điểm như cũ. Chắc vì về mặt tâm lý ông không thoát khỏi được 2 bản khoản lớn mà ông đã từng thổ lộ:

- Bản khoản thứ nhất là khi cụ Nguyễn Du chưa đến độ có tuổi tác, có sự lịch lãm dày dặn ở đời thì làm sao cụ có thể viết được một truyện như Truyện Kiều?

- Và bản khoản thứ hai là khi cụ Nguyễn Du chưa đi sứ thì làm sao cụ có thể miêu tả phong cảnh bên Tàu chính xác được như trong Truyện Kiều?

Về điểm thứ nhất, GS Cẩn đã từng nêu gương những nhà văn đã rất am hiểu đời và đã rất thành công trong khi đang còn rất trẻ như Vũ Trọng Phụng, như Sôlôkhốp để làm dẫn chứng.

Còn về điểm thứ hai thì cũng có thể nêu gương Chateaubriand và Đặng Trần Côn chẳng hạn. Chateaubriand chưa đến thác Niagara bao giờ, nhưng bức tranh ông mô tả thác này thì trong giới văn học ai ai cũng phải cho là chính xác và sinh động tuyệt vời. Đặng Trần Côn cũng có được đi sứ sang Tàu đâu, nhưng bản *Chinh phụ ngâm* của ông viết ra thì tuyệt hay, bao nhiêu danh gia đã bỏ công gắng dịch cho đạt. Ngoài ra, các bài Đặng Trần Côn viết về Tiêu tương bát cảnh của Tàu cũng vậy. Tùng Niên Phạm Đình Hồ đã phải trích dẫn rất nhiều và ca ngợi hết lời trong *Tang thương ngẫu lục*.

Không biết những dẫn chứng như trên đã đủ chưa? Nếu ông vẫn không thay đổi ý kiến thì chúng tôi cũng đành bảo lưu quan điểm riêng của chúng tôi, coi như hai bên không ai thuyết phục được ai vậy.

Về vấn đề năm in, năm chép của các bản Truyện Kiều, chúng tôi xin có mấy ý kiến riêng như sau.

- Việc in ấn đòi hỏi phải có điều kiện: bản mới viết sau mà có điều kiện thì vẫn có thể in trước một bản cổ hơn mà không có điều kiện. Vua Minh Mạng trẻ tuổi hơn cụ Nguyễn Du, *Ngự chế thi tập* của Minh Mạng hoàn thành sau Truyện Kiều, nhưng thơ vua thì vẫn để in trước thơ dân, tập đó năm 1831 đã được công bố!

Ngay giữa các nhà in cũng có thể có sự khác nhau về điều kiện (về tiền thuê thợ khắc, về dự trữ ván in, dự trữ giấy...). Cho nên không thể khẳng định dứt khoát là bản in trước bao giờ cũng cổ hơn bản in sau.

- Năm in năm chép thường thấy ở bìa, bài tựa hay đôi khi ở cuối truyện. Nhưng đó là những chỗ hay bị rách nát hay bị mất hẳn. Nhiều bản không có năm in, năm chép là vì thế. Ví dụ bản VNB-60 hay bản Kiều rất quý vừa phát hiện ở Vinh gần đây. Không lẽ vì thiếu năm in, những bản quý như thế cũng phải gạt bỏ đi?

- Năm in cho thấy được cái mốc công bố, năm chép cho thấy được sự ra đời của bản sao, chỉ thế mà thôi! Còn cả quãng thời gian biên tập thì chúng không cho thấy được. Có xem bên trong mới thấy chính xác được bản KOM là bản 1889-1902,⁽¹⁰⁾ bản LNP là bản 1847-1870 v.v... Bản in sau có thể cổ hơn, được biên tập sớm hơn; bản in trước, ngược lại, cũng có thể là bản không cổ bằng vì biên tập muộn hơn. Chúng ta thử so sánh như sau:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bản cổ nhất: | - Đã ký húy chữ ĐANG theo lệnh năm 1825 |
| In năm 1872 | - Chưa ký húy chữ CẢO/KIẾU theo lệnh năm 1836 |
| - Bản cổ vừa: | - Đã ký húy chữ CẢO/KIẾU theo lệnh năm 1836 |
| Năm in 1866, 1871, 1879 | - Chưa ký húy chữ TÔNG theo lệnh năm 1841 |
| - Bản chậm: | - Đã ký húy THỈ, HỒNG, NHẬM theo lệnh năm 1847 |
| (LNP chép năm 1870) | - Chưa ký húy tên các vua Đồng Khánh, Kiến Phúc, Thành Thái v.v... |
| - Bản chậm nhất | - Đã ký húy tên Thành Thái (chữ CHIẾU) theo lệnh năm 1889 |
| (KOM in năm 1902) | - Chưa ký húy tên vua Duy Tân |

Rõ ràng năm in, năm chép của một bản không phải là cái chỗ dựa đáng đề cao của bản đó. Ngược lại, chính cái nằm bên trong bản in, bản chép (từ ngữ, chữ hý, cách viết Nôm...) mới là cái đáng quý nhất. Tuy không thực sự thuộc văn bản, nhưng chỉ hai chữ HOA ĐƯỜNG của Phạm Quý Thích cũng đủ để đặt bản DMT lên trước tất cả các bản dùng hai chữ LUÔNG ĐƯỜNG rồi, dầu các bản có LUÔNG ĐƯỜNG này đã được in hay được chép các năm 1866, 1870 hay 1871 trước bản DMT-1872.⁽¹¹⁾

7. Sử dụng các phân tích về chữ hý là một phương pháp làm việc có tính khoa học, phương pháp này rất được GS Hoàng Xuân Hãn chú trọng và đã đề cập từ lâu, có lẽ ông Tuân chưa đánh giá đúng về nó nên đã dẫn trong phần chú thích câu nhận định của Nguyễn Thế Quang: “Có thể Nguyễn Du ký hý, cũng có thể là người đời sau ký hý...” mà không đưa kèm các phân tích, thống kê hay một dẫn chứng có căn cứ khoa học nào. Nếu ông cho là chữ ký hý chưa đủ căn cứ xác định niên đại sáng tác Truyện Kiều thì chúng tôi xin dẫn một ví dụ có cả vấn đề ký hý lẫn vấn đề nội dung nữa trong bản LVD, bản mà trong bài ông đã đánh giá “...Cho đến nay bản *Liễu Văn Đường* vẫn là bản *quý nhất* và có *gốc xưa nhất*”, đó là câu 853:

“Tuồng chi là GIỐNG hôi tanh”

Nếu bỏ qua chuyện ký hý chữ GIỐNG 種, tức chữ Chung - tên trọng hý của vua Gia Long, chỉ xét nội dung như cách ông thường làm, ông nghĩ xem một vị đường quan Hữu Tham tri Bộ Lễ - bộ coi về các phép tắc - như Nguyễn Du (nếu viết Truyện Kiều sau khi đi sứ về - 1814) có dám đặt tên vua ngay bên cạnh hai chữ “hôi tanh”, nghĩa cả câu gần như chửi thẳng vào vua như vậy được chăng (dầu đã viết ký hý đi nữa). Nhân tiện chúng tôi dẫn 3 hình minh họa ở dưới, có chú thích rõ.



Chữ **giống**, câu 853 bản LVD1866, ký hý thay bộ hòa bằng bộ thủ xóc



Chữ **giống** câu 853 bản LVD 1871 có vẻ như không ký hý



Bản LNP ký hý chữ **giống** cẩn thận, viết dạng phức tạp hóa.

Đến đây thiết nghĩ chúng tôi đã thành thật trả lời hết các điểm phê bình chủ chốt của ông. Kính mong ông suy nghĩ.^(*)

N T - P A D

* Trong bài viết của mình, ông Nguyễn Quảng Tuân có dẫn một số điểm TS Đào Thái Tôn tranh luận với GS Nguyễn Tài Cẩn. Những điểm đó GS Cẩn đã có trả lời riêng, xin miễn dẫn lại ở đây. Xin xem bài Nguyễn Tài Cẩn và Phan Anh Dũng trên tạp chí *Sông Hương* số 211, tháng 9 năm 2006, và xem Phần I cuốn *Tư liệu Truyện Kiều: Thủ tìm hiểu bản sơ thảo Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Tài Cẩn.

CHÚ THÍCH

- (1) Các chữ viết tắt trong bài: LNP - Lâm Nọa Phu; LVĐ - Liễu Văn Đường; DMT - Duy Minh Thị; QVĐ - Quan Văn Đường; TMĐ - Thịnh Mỹ Đường; KOM - Kiều Oánh Mậu; VNB-60 là bản Truyện Kiều tìm được ở Thái Bình có ký hiệu thư viện VB-60.
- (2) Bản LNP do chép ở Huế ngay trong thời Tự Đức nên đã kị húy chữ THÌ (時 tên vua Tự Đức) một cách tuyệt đối, tất cả các câu có chữ THÌ đều bị thay đổi. Có lẽ cũng nên đưa ra vấn đề sau: khi đã biết rõ chữ nào là nguyên tác, chữ nào là do kị húy mà thay đổi đi thì có nên tính chữ người sau thay đổi đó là dị bản nữa không?
- (3) *Đoạn trường tân thanh*. Thế Anh, Nxb Văn học, 2000.
- (4) *Tim nguyên tác Truyện Kiều*. Vũ Văn Kính, Nxb Văn nghệ, 1998.
- (5) *Truyện Kiều*. Nguyễn Thạch Giang, Nxb ĐH&THCN, 1972.
- (6) *Truyện Kiều*. Nguyễn Quảng Tuân, Nxb KHXH, 1997.
- (7) Bài tham luận tại Hội thảo quốc tế về chữ Nôm, Huế, 31/5 đến 2/6/2006.
- (8) Tạp chí *Văn hóa Nghệ An* số 71, 25/2/2006.
- (9) Xét cả câu thì có nhiều dị bản, ví dụ bản KOM: *Gió ĐUÁ bằng TIỆN đã LÌA dậm khơi*, bản LNP: *Gió ĐUÁ bằng XÍ đã LÌA dậm khơi*... Chúng tôi phải chịu khó ghi chú ở đây vì ngại ông bắt bẻ sang chuyện khác như bài trước.
- (10) Trong bài tựa KOM viết là đã dày công sưu tầm, biên tập từ hàng chục năm trước, đến khi Đình nguyên Đào Nguyên Phổ đem ở Huế ra tặng một bản Kinh (khoảng năm 1898) mới hoàn chỉnh và bắt đầu công việc in ấn (in xong năm 1902).
- (11) Không phải độc giả nào cũng nắm rõ về chữ húy triều Nguyễn nên chúng tôi chú thêm: Vì chữ HOA 花 /華 là chữ húy, tên mẹ vua Thiệu Trị (1841-1847), nên HOA ĐUỜNG bị đổi ra LƯƠNG ĐUỜNG, theo lệnh năm 1841.

TÓM TẮT

Khi phê bình bài “Tiếp tục so sánh các bản Kiều cổ của ba vùng Nam, Bắc và Huế” của chúng tôi và GS Nguyễn Tài Cẩn viết, có nhiều chỗ ông Nguyễn Quảng Tuân lái sang vấn đề khác, theo hướng làm người đọc hiểu lầm là những người viết thiếu cẩn thận hoặc phiên sai bản Nôm nên chúng tôi muốn bàn thêm, làm rõ một số điểm. Điểm mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là: Chúng tôi kiên định lập trường đánh giá mức độ cổ của các văn bản Truyện Kiều Nôm dựa trên kỹ thuật phân tích chữ húy và nội dung câu chữ của văn bản chứ không thuần túy chỉ dựa trên năm sao chép hay in lại.

ABSTRACT

AN ANSWER FOR NGUYỄN QUẢNG TUÂN'S ARTICLE “A COMPARISON BETWEEN THE OLD VERSIONS OF POETRY BOOK KIỀU FROM THE SOUTH, THE NORTH AND HUẾ”

When Nguyễn Quảng Tuân writes his comments on the article “Continuing Comparison between the Old Versions of the Poetry Book Kiều from the South, the North and Huế” written by Professor Nguyễn Tài Cẩn and me, at some places he intentionally deviates from the topic in order that the readers would understand the book's authors are careless or unable to translate correctly the relevant Nôm material. As a result, we would like to put forward here some more discussion in the hope of clarifying several argumentative points. We put great emphasis on the fact that we maintain our belief in our method to estimate the ages of the versions of Kiều not only by means of the dates of their copies or reprintings but also on the basis of an analysis on the taboo words and the contents of the texts.